

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 197/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn,  
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Anh Dũng;

- Ông Huỳnh Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị H, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp Ch, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn D, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp Ch, xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Hứa Thị H trình bày:*

Chị và anh Phan Văn D tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, thông qua người làm mai, không có thời gian tìm hiểu. Hai bên tổ chức đám cưới và về chung sống từ năm 2001, nhưng sau đó mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang vào ngày 19-8-2010 khi đã sinh 02 con chung. Thời gian đầu, vợ chồng sống không thật sự hạnh phúc vì anh D hay quen với những người phụ nữ khác bên ngoài, do đã có con nên chị cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng nuôi con. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh D ghen tuông dù chị không có quen người nào, còn anh D thì từ năm 2008 đã có quen với nhiều người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, chị đi làm công ty Tex-Giang ở Cai Lậy đến năm 2021 thì nghỉ chuyển sang buôn bán ở thị xã Cai Lậy, còn anh D cũng đi làm, vợ chồng không còn chung sống một nhà. Hiện chị và anh D không ai còn quan tâm đến nhau, cả hai đều đã lập gia đình mới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Phan Thị Yến N, và Phan Thị Yến L, sinh cùng ngày 01-11-2007 (Hai cháu sinh đôi). Hai con từ nhỏ do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, thời gian gần đây hai cháu đi làm ở Bình Dương, làm cho cậu ruột của các cháu. Nay cháu Linh có nguyện vọng được sống với chị nên chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngọc có nguyện vọng được sống với ông bà nội nên chị đồng ý giao cháu Ngọc cho bên anh D trực tiếp nuôi; chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng, chị cũng không cấp dưỡng nuôi con cho anh D.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Phan Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Hứa Thị H và anh Phan Văn D tranh chấp về ly hôn; anh D cư trú tại ấp Ch, xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Hứa Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Phan Văn D không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh D.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Hứa Thị H và anh Phan Văn D là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 19-8-2010. Thực tế hai bên chung sống vợ chồng từ năm 2001 và không thật sự hạnh phúc do anh D thường quen với người phụ nữ khác. Kể từ năm 2016, anh D, chị H đã sống ly thân do anh D ghen

tuông. Hiện nay hai bên đều đã có vợ, có chồng khác nhưng chưa đăng ký kết hôn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị H nêu, việc vợ chồng sống ly thân và hai bên có vợ, có chồng khác được chính quyền địa phương xác nhận là đúng; anh D không có ý kiến gì phản đối lời khai của chị H là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, điều đó đã cho thấy anh D không còn quan tâm đến hôn nhân với chị H. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” và “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị H và anh D đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều đã có vợ, có chồng khác nhưng chưa đăng ký kết hôn, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo chị H trình bày, chị và anh D có con chung là cháu Phan Thị Yến N, và Phan Thị Yến L, sinh cùng ngày 01-11-2007. Cháu L có nguyện vọng được sống với chị H, cháu Ngọc có nguyện vọng được sống với nội. Chị H đồng ý nuôi cháu L theo nguyện vọng của cháu, anh D không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu L cho chị H, giao cháu Ngọc cho anh D nuôi dưỡng để đảm bảo nguyện vọng của các cháu. Chị H, anh D đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hứa Thị H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị H. Cho chị Hứa Thị H được ly hôn với anh Phan Văn D.

## 2. Về con chung:

Giao cháu Phan Thị Yến L, sinh ngày 01-11-2007 cho chị Hứa Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Giao cháu Phan Thị Yến N, sinh ngày 01-11-2007 cho anh Phan Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do hai bên đều chưa yêu cầu.

Anh D, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

## 3. Về án phí:

Chị Hứa Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016227 ngày 20-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**